

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Số: 05 /CBTT-CMW

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Mã chứng khoán: CMW

- Địa chỉ: 204 Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau

- Điện thoại: (0290) 3836361 Fax: (0290) 33836723

- Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com Website: <https://ctncamau.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Tài liệu đính kèm:

Giải trình BCTC đã kiểm toán





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 14 - 35 |
| 8. Phụ lục | 36 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 200010198, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CMW.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : 0290.3836723
- Fax : 0290.3836723

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty có 3 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1 | Đường Lý Thường Kiệt, khóm 14, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2 | Số 931, Ngõ Quyền, khóm 21, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiền | Áp Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Khánh An | Áp 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Cái Nước | Đường Phan Ngọc Hiền, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi | Đường Trần Văn Phú, ấp 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc | Áp 11, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời | Đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Thới Bình | Khóm 1, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Xây lắp - Cơ điện | Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (100% vốn ngân sách Nhà nước) | Đường Hùng Vương, Khu vực 1, khóm 2, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|--------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Hồ Tấn Luật | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Phạm Phước Tài | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Phạm Tấn Phong | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Trần Thế Hưng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Lê Chánh Huy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Mỹ Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Mai Thị Hiền | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Văn Hải Lý | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Quách Huỳnh Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Phan Thị Hà Thanh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|---------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Phước Tài | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Phạm Tấn Phong | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Huỳnh Thiện Trí | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025).

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Phạm Phước Tài - Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty nên Ông Phạm Phước Tài sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2026



Số: 4.0077/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



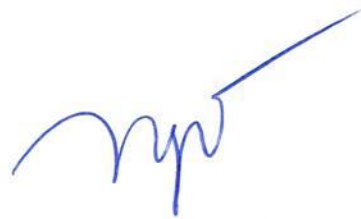
Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.5 và thuyết minh số V.17 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu về chi phí cổ phần hóa với số tiền 582.742.500 VND và phải trả liên quan từ trước cổ phần hóa chuyển sang với số tiền 30.291.229.630 VND sau khi Công ty đã thực hiện quyết toán với ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Khoản phải thu về chi phí cổ phần hóa đang chờ xử lý, nên Công ty chưa bù trừ với khoản công nợ phải trả. Số dư các khoản công nợ với ngân sách Nhà nước của Công ty tùy thuộc vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả vào Báo cáo tài chính liên quan đến dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 do chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nộp và Công ty cũng chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này.



Nguyễn Hữu Danh
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1
Người được ủy quyền



Nguyễn Hữu Nghi
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 52.573.308.533 | 56.289.400.572 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.229.184.926 | 1.460.484.893 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.229.184.926 | 1.460.484.893 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 500.000.000 | 500.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 32.488.243.881 | 33.143.671.580 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 4.086.385.544 | 4.498.926.187 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.716.061.381 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 27.973.801.066 | 30.513.631.545 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (2.288.004.110) | (1.868.886.152) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 18.355.879.726 | 20.613.495.595 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 18.355.879.726 | 20.613.495.595 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 571.748.504 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 571.748.504 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 281.507.125.147 | 270.118.040.507 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 207.631.063.918 | 202.738.317.385 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 203.021.247.551 | 197.857.513.691 |
| - Nguyên giá | 222 | | 489.643.581.019 | 465.849.728.858 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (286.622.333.468) | (267.992.215.167) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 4.609.816.367 | 4.880.803.694 |
| - Nguyên giá | 228 | | 5.837.187.683 | 5.837.187.683 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.227.371.316) | (956.383.989) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 5.125.403.661 | 8.107.436.344 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 5.125.403.661 | 8.107.436.344 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 68.750.657.568 | 59.272.286.778 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11 | 68.750.657.568 | 59.272.286.778 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 334.080.433.680 | 326.407.441.079 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 154.415.812.063 | 151.965.857.086 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 135.210.937.258 | 133.165.239.655 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 6.650.393.130 | 15.495.485.508 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 65.884.427 | 191.601.555 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 19.952.729.173 | 14.690.704.492 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 13.563.666.632 | 9.468.893.088 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 45.024.505 | 42.084.530 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 65.055.696.911 | 63.721.656.988 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 28.070.321.507 | 28.788.327.467 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.807.220.973 | 766.486.027 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 19.204.874.805 | 18.800.617.431 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 19.204.874.805 | 18.800.617.431 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 179.664.621.617 | 174.441.583.993 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 179.664.621.617 | 174.441.583.993 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 155.349.000.000 | 155.349.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 155.349.000.000 | 155.349.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 2.582.716.353 | 2.369.598.888 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.20 | 1.648.820.817 | 1.222.585.887 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 20.084.084.447 | 15.500.399.218 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.293.606.996 | 15.500.399.218 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 18.790.477.451 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 334.080.433.680 | 326.407.441.079 |

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Trần Ngọc Thúy
Người lậpHuỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởngPhạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 153.212.507.126 | 135.974.693.252 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 153.212.507.126 | 135.974.693.252 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 92.004.751.938 | 85.283.089.486 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 61.207.755.188 | 50.691.603.766 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 6.655.003 | 33.469.700 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.699.440.591 | 2.185.368.107 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.699.440.591 | 2.185.368.107 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 5.722.896.752 | 5.445.991.678 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 31.531.316.740 | 26.484.235.505 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 21.260.756.108 | 16.609.478.176 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3.028.649.630 | 1.899.633.401 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 565.210.175 | 199.274.810 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 2.463.439.455 | 1.700.358.591 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 23.724.195.563 | 18.309.836.767 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 4.933.718.112 | 4.102.005.781 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 18.790.477.451 | 14.207.830.986 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a, b | 931 | 704 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9a, b | 931 | 704 |

Cà Mau, ngày

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 191.308.911.583 | 169.435.451.506 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (59.407.660.871) | (68.698.045.150) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (36.334.650.871) | (31.646.842.702) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | V.16, VI.4 | (2.696.500.616) | (2.165.599.792) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | V.14 | (7.567.128.829) | (1.724.410.685) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 5.912.706.002 | 3.273.589.143 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (50.458.804.508) | (88.747.755.238) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 40.756.871.890 | (20.273.612.918) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.4, V.8, V.10, V.12 | (30.400.448.985) | (11.093.970.096) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 21.382.192 | 31.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (30.379.066.793) | (11.062.970.096) |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18a, b | 55.333.578.502 | 61.054.635.903 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18a, b | (55.647.327.088) | (42.180.514.586) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.17, V.20 | (10.295.356.478) | (8.062.638.607) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (10.609.105.064) | 10.811.482.710 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (231.299.967) | (20.525.100.304) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1.460.484.893 | 21.985.585.197 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 1.229.184.926 | 1.460.484.893 |

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trí
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Công ty có 3 Xí nghiệp và 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1 | Đường Lý Thường Kiệt, khóm 14, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2 | Số 931, Ngõ Quyền, khóm 21, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiền | Ấp Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Khánh An | Ấp 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Cái Nước | Đường Phan Ngọc Hiền, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi | Đường Trần Văn Phú, ấp 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc | Ấp 11, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời | Đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Thới Bình | Khóm 1, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Xây lắp - Cơ điện | Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (100% vốn ngân sách Nhà nước) (*) | Đường Hùng Vương, Khu vực 1, khóm 2, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước, Công ty được giao quản lý hộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo Công văn số 318/VP-KT ngày 22/3/2016 về việc quản lý, vận hành hệ thống cấp nước đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn của văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:
- Doanh thu, chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp không ghi nhận vào kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả người lao động, các loại thuế ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán Công ty;
 - Tài sản cố định ghi nhận phải thu khác, hao mòn tài sản cố định ghi nhận phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty;
 - Lợi nhuận sau thuế ghi nhận phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 266 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 257 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.



1981
ÔNG T
TOÁN
A8
CHIN
TÂY N
PHÚ

001
CÓN
CÓ
ÁP
CÀ
THA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 05 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 31 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 25 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 15 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt

Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 363.790.109 | 203.985.601 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 865.394.817 | 1.256.499.292 |
| Cộng | 1.229.184.926 | 1.460.484.893 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Cộng | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 | 500.000.000 |

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị ghi sổ là 500.000.000 VND (số đầu năm là 500.000.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng cung cấp nước | 3.911.291.754 | 3.768.574.543 |
| Phải thu khách hàng xây dựng, lắp đặt | 175.093.790 | 730.351.644 |
| Cộng | 4.086.385.544 | 4.498.926.187 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Vtech Việt Nam | 2.027.708.256 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 688.353.125 | - |
| Cộng | 2.716.061.381 | - |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---------------|------------|
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản | 2.676.561.381 | - |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tài sản dự án Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn ⁽ⁱ⁾ | 25.660.712.368 | - | 25.950.568.413 | - |
| Phải thu về cổ phần hóa và chi phí thoái vốn doanh nghiệp ⁽ⁱⁱ⁾ | 582.742.500 | - | 582.742.500 | - |
| Tạm ứng | 495.899.613 | - | 1.496.730.180 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 381.250.000 | - | 381.250.000 | - |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự, thu | - | - | 21.382.192 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 853.196.585 | - | 2.080.958.260 | - |
| Cộng | 27.973.801.066 | - | 30.513.631.545 | - |

(i) Khoản phải thu này bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp Công ty) để cổ phần hóa theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ.

(ii) Chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty hiện đang xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để xử lý các khoản chi phí này.

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--------------------|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu tiền nước | Trên 3 năm | 2.288.004.110 | - | Trên 3 năm | 1.868.886.152 | - |
| Cộng | | 2.288.004.110 | - | | 1.868.886.152 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.868.886.152 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 419.117.958 | 1.868.886.152 |
| Số cuối năm | 2.288.004.110 | 1.868.886.152 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 18.355.879.726 | - | 20.613.495.595 | - |
| Cộng | 18.355.879.726 | - | 20.613.495.595 | - |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 25.987.654.479 | 32.522.082.342 | 404.411.543.808 | 2.928.448.229 | 465.849.728.858 |
| Mua trong năm | - | 1.809.179.030 | - | - | 1.809.179.030 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.638.349.392 | 2.770.722.165 | 17.575.601.574 | - | 21.984.673.131 |
| Số cuối năm | 27.626.003.871 | 37.101.983.537 | 421.987.145.382 | 2.928.448.229 | 489.643.581.019 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 11.177.576.188 | 7.324.056.786 | 62.887.020.744 | 1.662.920.956 | 83.051.574.674 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 18.906.213.095 | 12.254.875.199 | 234.727.241.345 | 2.103.885.528 | 267.992.215.167 |
| Khấu hao trong năm | 806.007.460 | 2.353.827.456 | 15.371.295.919 | 98.987.466 | 18.630.118.301 |
| Số cuối năm | 19.712.220.555 | 14.608.702.655 | 250.098.537.264 | 2.202.872.994 | 286.622.333.468 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 7.081.441.384 | 20.267.207.143 | 169.684.302.463 | 824.562.701 | 197.857.513.691 |
| Số cuối năm | 7.913.783.316 | 22.493.280.882 | 171.888.608.118 | 725.575.235 | 203.021.247.551 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.217.429.706 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|--|----------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 3.910.809.030 | 1.926.378.653 | 5.837.187.683 |
| Số cuối năm | 3.910.809.030 | 1.926.378.653 | 5.837.187.683 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 796.601.565 | 796.601.565 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 956.383.989 | 956.383.989 |
| Khấu hao trong năm | - | 270.987.327 | 270.987.327 |
| Số cuối năm | - | 1.227.371.316 | 1.227.371.316 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 3.910.809.030 | 969.994.664 | 4.880.803.694 |
| Số cuối năm | 3.910.809.030 | 699.007.337 | 4.609.816.367 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | |
| - Công trình trạm cấp nước số 2 huyện Đầm Dơi | 593.168.182 | - | - | 593.168.182 |
| - Công trình trạm cấp nước số 4 huyện Ngọc Hiển | 553.490.909 | - | - | 553.490.909 |
| - Công trình khoan giếng số 2 trạm cấp nước 31 | 1.157.841.439 | - | (1.157.841.439) | - |
| - Công trình đầu tư nhà máy cấp nước mở rộng Năm Căn | 293.374.074 | 319.802.154 | - | 613.176.228 |
| - Công trình nâng cấp cải tạo tuyến ống cấp nước đường bê tông | - | 955.009.485 | (955.009.485) | - |
| - Công trình nâng cấp cải tạo hàng rào nhà máy cấp nước số 1 | - | 813.922.222 | (813.922.222) | - |
| - Công trình khoan giếng trạm cấp nước số 1 chi nhánh cấp nước Đầm Dơi | - | 1.174.051.230 | (1.174.051.230) | - |
| - Công trình lắp đặt tuyến ống dọc rạch Cái Ngang | - | 1.004.101.352 | (1.004.101.352) | - |
| - Các công trình khác | 5.509.561.740 | 14.735.754.005 | (16.879.747.403) | 3.365.568.342 |
| Cộng | 8.107.436.344 | 19.002.640.448 | (21.984.673.131) | 5.125.403.661 |

11. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.381.449.982 | 961.466.197 |
| Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh | 56.496.449.050 | 53.447.502.579 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 10.872.758.536 | 4.863.318.002 |
| Cộng | 68.750.657.568 | 59.272.286.778 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng | 1.731.240.000 | 4.267.882.782 |
| Công ty TNHH Khoan Địa chất Công trình - Địa chất thủy văn Hoàng Kim | - | 1.852.196.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 4.919.153.130 | 9.375.406.726 |
| Cộng | 6.650.393.130 | 15.495.485.508 |

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản | 3.744.540.688 | 10.656.608.814 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Năm Căn | - | 100.000.000 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Cà Mau | 28.562.000 | 28.562.000 |
| Ban Quản lý Dự án Khu đô thị trung tâm hành chính - chính trị thành phố Cà Mau | 9.452.227 | 9.452.227 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Cây xanh Hà Đô | 16.867.500 | 16.867.500 |
| Các khách hàng khác | 11.002.700 | 36.719.828 |
| Cộng | 65.884.427 | 191.601.555 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 113.844.729 | 4.003.225.076 | (3.908.845.268) | 208.224.537 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.513.836.272 | 5.352.687.762 | (7.567.128.829) | 1.299.395.205 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 376.116.720 | (376.116.720) | - |
| Thuế tài nguyên | 1.042.058.100 | 6.410.424.600 | (6.915.489.600) | 536.993.100 |
| Thuế nhà đất | - | 99.637.697 | (99.637.697) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 10.020.965.391 | 27.989.028.109 | (20.101.877.169) | 17.908.116.331 |
| Cộng | 14.690.704.492 | 44.231.119.964 | (38.969.095.283) | 19.952.729.173 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----|
| - Cung cấp nước | 5% |
| - Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác | 10% |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 23.724.195.563 | 18.309.836.767 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 980.029.865 | 2.200.192.138 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (35.634.870) | - |
| Thu nhập chịu/tính thuế | 24.668.590.558 | 20.510.028.905 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 4.933.718.112 | 4.102.005.781 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn | 418.969.650 | 741.922.785 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 5.352.687.762 | 4.843.928.566 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất với giá tính thuế 6.000 VND/m³ với thuế suất 5%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 45.024.505 | 42.084.530 |
| Cộng | 45.024.505 | 42.084.530 |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 393.407.889 | 285.529.950 |
| Phải trả về cổ phần hóa (*) | 30.291.229.630 | 30.291.229.630 |
| Thuế tài nguyên từ năm 2009 đến năm 2013 bị truy thu | 8.422.722.654 | 8.422.722.654 |
| Vốn tạm ứng thi công phải trả Ngân sách Nhà nước | 6.500.000.000 | 8.950.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi trước cổ phần hóa chưa chi | 1.834.499.223 | 2.013.460.696 |
| Quỹ lương trước cổ phần hóa chưa chi | 173.009.462 | 173.009.462 |
| Lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp Ngân sách Nhà nước | 8.116.666.537 | 6.813.413.062 |
| Khấu hao tài sản của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp Ngân sách Nhà nước | 5.015.256.126 | 3.997.950.461 |
| Cổ tức phải trả | 101.208.519 | 96.926.297 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 4.207.696.871 | 2.677.414.776 |
| Cộng | 65.055.696.911 | 63.721.656.988 |

(*) Phần vốn vượt phải trả lại ngân sách Nhà nước từ cổ phần hóa với giá trị là 31.432.460.305 VND và giá trị dự thu bao gồm phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế GTGT, phạt chậm nộp có tính vào ngân sách Nhà nước và phạt chậm nộp các khoản thuế với tổng giá trị là 1.141.230.675 VND. Đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn nộp khoản này vào ngân sách Nhà nước.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 20.898.578.881 | 24.393.584.841 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau | - | 11.153.079.499 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 14.001.464.255 | 13.240.505.342 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.897.114.626 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b) | 7.171.742.626 | 4.394.742.626 |
| Cộng | 28.070.321.507 | 28.788.327.467 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung tài trợ các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, với hạn mức 15.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, với hạn mức 15.000.000.000 VND và thời hạn không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 24.393.584.841 | 47.233.578.502 | - | (50.728.584.462) | 20.898.578.881 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 4.394.742.626 | - | 7.171.742.626 | (4.394.742.626) | 7.171.742.626 |
| Cộng | 28.788.327.467 | 47.233.578.502 | 7.171.742.626 | (55.123.327.088) | 28.070.321.507 |

18b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | | |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 10.971.505.000 | 8.702.505.000 |
| - Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Minh Hải ⁽ⁱⁱ⁾ | 8.233.369.805 | 10.098.112.431 |
| Cộng | 19.204.874.805 | 18.800.617.431 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động tài trợ các nhu cầu mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ và các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).
- (ii) Khoản vay lại từ nguồn vốn ODA thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Minh Hải để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau với lãi suất cố định là 5%/năm, thời hạn vay là 24 năm. Ngày bắt đầu giải ngân là 17/10/2006, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 7.171.742.626 | 4.394.742.626 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 18.430.475.504 | 16.161.475.504 |
| Trên 05 năm | 774.399.301 | 2.639.141.927 |
| Cộng | 26.376.617.431 | 23.195.360.057 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | |
|------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 18.800.617.431 |
| Số tiền vay phát sinh | 8.100.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | (524.000.000) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (7.171.742.626) |
| Số cuối năm | 19.204.874.805 |

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|--------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 37.369.907 | 1.420.783.099 | (1.420.783.099) | 37.369.907 |
| Quỹ phúc lợi | 652.022.140 | 1.420.783.098 | (380.048.152) | 1.692.757.086 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 77.093.980 | 426.234.930 | (426.234.930) | 77.093.980 |
| Cộng | 766.486.027 | 3.267.801.127 | (2.227.066.181) | 1.807.220.973 |

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau | 111.057.000.000 | 111.057.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một | 37.896.000.000 | 37.896.000.000 |
| Các cổ đông khác | 6.396.000.000 | 6.396.000.000 |
| Cộng | 155.349.000.000 | 155.349.000.000 |

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.534.900 | 15.534.900 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.534.900 | 15.534.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.534.900 | 15.534.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.534.900 | 15.534.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.534.900 | 15.534.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 như sau:

| | VND |
|--|----------------|
| • Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (72,5% lợi nhuận sau thuế) | 10.299.638.700 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển (1,5% lợi nhuận sau thuế) | 213.117.465 |
| • Trích quỹ khác của chủ sở hữu (3% lợi nhuận sau thuế) | 426.234.930 |
| • Trích quỹ thường Ban quản lý, điều hành (3% lợi nhuận sau thuế) | 426.234.930 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% lợi nhuận sau thuế) | 2.841.566.197 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt | 150.212.852.650 | 132.969.571.144 |
| Doanh thu hoạt động xây dựng, lắp đặt | 2.958.794.538 | 2.992.154.331 |
| Doanh thu khác | 40.859.938 | 12.967.777 |
| Cộng | 153.212.507.126 | 135.974.693.252 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của nước sinh hoạt đã cung cấp | 90.663.406.674 | 83.016.459.456 |
| Giá vốn của hoạt động xây dựng, lắp đặt | 1.341.345.264 | 2.266.630.030 |
| Cộng | 92.004.751.938 | 85.283.089.486 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | - | 25.165.754 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 6.655.003 | 8.297.264 |
| Lãi tiền ký quỹ | - | 6.682 |
| Cộng | 6.655.003 | 33.469.700 |

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.201.125.586 | 3.125.204.858 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 645.711.522 | 663.396.558 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.177.095.257 | 744.179.218 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Các chi phí khác | 698.964.387 | 913.211.044 |
| Cộng | 5.722.896.752 | 5.445.991.678 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 21.112.848.550 | 16.637.316.761 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 6.740.015 | 547.788 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 181.181.641 | 664.629.646 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.411.875.319 | 1.222.692.635 |
| Thuế, phí và lệ phí | 133.514.642 | 73.858.410 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 419.117.958 | 1.868.886.152 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.349.067.554 | 2.957.658.293 |
| Các chi phí khác | 2.916.971.061 | 3.058.645.820 |
| Cộng | 31.531.316.740 | 26.484.235.505 |
| 7. Thu nhập khác | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Phí dịch vụ thoát nước và phí bảo vệ môi trường giữ lại 5% | 876.010.599 | 841.773.269 |
| Thu nhập từ hoàn nhập chi phí nhân công lắp đặt ống nhánh | - | 871.897.714 |
| Thu nhập từ thanh lý phế liệu | 1.272.302.365 | - |
| Thu nhập từ vật tư được tài trợ | 524.364.000 | - |
| Thu nhập khác | 355.972.666 | 185.962.418 |
| Cộng | 3.028.649.630 | 1.899.633.401 |
| 8. Chi phí khác | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền chậm nộp thuế | 79.749.259 | 13.064.080 |
| Chi ủng hộ | - | 150.000.000 |
| Chi trợ cấp thôi việc | 442.750.000 | - |
| Chi phí khác | 42.710.916 | 36.210.730 |
| Cộng | 565.210.175 | 199.274.810 |
| 9. Lãi trên cổ phiếu | | |
| 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 18.790.477.451 | 14.207.830.986 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (3.758.095.490) | (2.841.566.197) |
| Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*) | (563.714.324) | (426.234.930) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 14.468.667.637 | 10.940.029.859 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 15.534.900 | 15.534.900 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 931 | 704 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm tính theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 20% lợi nhuận sau thuế và trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý 3% lợi nhuận sau thuế).

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 38.234.936.219 | 34.883.876.708 |
| Chi phí nhân công | 53.541.922.649 | 45.032.023.708 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.901.105.628 | 18.210.374.277 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.917.170.547 | 12.369.517.432 |
| Chi phí khác | 11.663.830.387 | 6.711.934.914 |
| Cộng | 129.258.965.430 | 117.207.727.039 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo Công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cà Mau chưa thành lập. Do đó, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả liên quan đến dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến ngày 31/5/2023 do chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nộp và Công ty cũng chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 965.938.000 | 735.597.000 |
| Ông Phạm Phước Tài - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 924.824.000 | 728.428.000 |
| Ông Trần Hoàng Khện - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024) | - | 379.552.000 |
| Ông Phạm Tấn Phong - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 850.446.000 | 645.449.000 |
| Ông Trần Thế Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị | 91.600.000 | 18.000.000 |
| Ông Lê Chánh Huy - Thành viên Hội đồng quản trị | 316.448.000 | 90.697.000 |
| Ông Trịnh Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024) | - | - |
| Bà Nguyễn Thị Mỹ Huyền - Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025) | 231.131.000 | - |
| Bà Mai Thị Hiền - Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025) | 362.779.000 | 591.320.000 |
| Bà Quách Huỳnh Hương - Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025) | 125.207.000 | - |
| Bà Phan Thị Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025) | 113.487.000 | 227.856.000 |
| Bà Văn Hải Lý - Thành viên Ban kiểm soát | 246.867.000 | 208.566.000 |
| Ông Huỳnh Thiện Trị - Kế toán trưởng | 711.734.000 | 596.727.791 |
| Cộng | 4.940.461.000 | 4.222.192.791 |

2b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|----------------------------------|------------------------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau | Cổ đông nắm giữ 71,49% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một | Cổ đông nắm giữ 24,39% vốn điều lệ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau | | |
| Chia cổ tức | 7.363.079.100 | 5.708.329.800 |
| Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một | | |
| Chia cổ tức | 2.512.504.800 | 1.947.854.400 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 82.637.628.725 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 76.875.839.083 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn vì phần lớn các nợ phải trả liên quan đến ngân sách Nhà nước và người lao động. Đây là các khoản phải trả đang chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý và quyết toán.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trí
Kế toán trưởng



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 155.349.000.000 | 2.204.361.493 | 892.111.096 | 12.306.859.084 | 170.752.331.673 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 14.207.830.986 | 14.207.830.986 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 165.237.395 | 330.474.791 | (3.029.352.252) | (2.533.640.066) |
| * Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | (7.984.938.600) | (7.984.938.600) |
| Số dư cuối năm trước | 155.349.000.000 | 2.369.598.888 | 1.222.585.887 | 15.500.399.218 | 174.441.583.993 |
| Số dư đầu năm nay | 155.349.000.000 | 2.369.598.888 | 1.222.585.887 | 15.500.399.218 | 174.441.583.993 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 18.790.477.451 | 18.790.477.451 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | 213.117.465 | 426.234.930 | (3.907.153.522) | (3.267.801.127) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | (10.299.638.700) | (10.299.638.700) |
| Số dư cuối năm nay | 155.349.000.000 | 2.582.716.353 | 1.648.820.817 | 20.084.084.447 | 179.664.621.617 |

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Huỳnh Thiện Trị
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam

Central Region Branch : Lot STH 06A.01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam

Southwest Branch : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (025) 8246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (029) 2376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn